

Bồ Đề, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Số: 58 /TB-CBMNBB

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Chi bộ trường mầm non Bắc Biên thông báo về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của Bí thư chi bộ, Phó BTCB trường mầm non Bắc Biên như sau:

1. Địa điểm niêm yết: Bảng tin nội bộ tại trường mầm non Bắc Biên
2. Nội dung công khai: Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của Bí thư chi bộ, Phó BTCB trường mầm non Bắc Biên . Có biểu kèm theo.
3. Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/12/2025 đến hết ngày 10/01/2026.
4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai.
5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho cấp ủy chi bộ hoặc qua hòm thư của nhà trường.
6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Khi nhận được ý kiến có địa chỉ rõ ràng, ban công khai sẽ thống nhất và giải đáp kịp thời./.

Nơi nhận:

- CBMNBB.
- Lưu: VT (02).



Nguyễn Thị Quyên

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 02 tháng 12 năm 2025) ⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: **NGUYỄN THỊ QUYÊN**; Ngày tháng năm sinh: **18/11/1980**
 - Chức vụ/chức danh công tác: **Hiệu trưởng**
 - Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Bắc Biên, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.**
 - Nơi thường trú: **Nhà số 03- ngách 195/2- Đường Phúc Lợi- Tổ 4- Phường Phúc Lợi- TP. Hà Nội**
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001180006107**
Ngày cấp: **13/4/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên: **TRẦN VĂN LONG** Ngày tháng năm sinh: **09/02/1976**
 - Nghề nghiệp: **Làm việc tự do**
 - Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Tổ 4, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.**
 - Nơi thường trú: **Tổ 4, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.**
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001076016423**
Ngày cấp: **13/4/2021**; Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật):
Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:
 - 1.1. Đất ở⁽⁷⁾:
 - 1.1.1. Thừa thừa nhất:
 - Địa chỉ⁽⁸⁾: **Tổ 4 - Phường Phúc Lợi - thành phố Hà Nội.**
 - Diện tích: **125,7m²**
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: **Không xác định được giá trị (Vì đất thừa kế đã lâu không giao dịch)**



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Số AP 606753 theo quyết định 2360/QĐ-UBND MS 10127658498. Ngày cấp 31/7/2009. Người đứng tên: Trần Văn Long.*

- Thông tin khác (nếu có): *Đang cho thuê 1 phòng làm văn phòng kinh doanh.*

1.1.2. Thửa đất thứ hai:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Tổ 11- Phường Phúc Lợi- T.P Hà Nội*

- Diện tích⁽⁹⁾: *46m²*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *ước tính khoảng 08 tỷ*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Số: CX 045405 Theo sổ vào sổ cấp GCN: CS-LB:10059. Ngày cấp 23/10/2017 Người đứng tên: Trần Văn Long, Nguyễn Thị Quyên.*

- Thông tin khác (nếu có): *Đang cho thuê*

1.1.3. Thửa đất thứ ba:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Nhà ở số: LK4-2*

- Diện tích⁽⁹⁾: *83,87 m²*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *3.178.169.400đ (Ba tỷ một trăm bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm đồng)*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Chưa được cấp giấy (vì đang làm thủ tục, đã có hợp đồng mua bán nhà ở số L4-2/HĐMB/LSGP)*

- Thông tin khác (nếu có):

1.2. Các loại đất khác:⁽¹³⁾ *Không*

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: *Nhà số 03- ngách 195/2- Đường Phúc Lợi- Tổ 4- phường Phúc Lợi- thành phố Hà Nội*

- Loại nhà: *Nhà ở riêng lẻ*

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: *300m² (60m² x 5 tầng)*

- Giá trị⁽¹⁰⁾: *Không xác định được giá trị (Vì nhà xây đã lâu không giao dịch)*

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Số AP 606753 theo quyết định 2360/QĐ-UBND MS 10127658498. Ngày cấp 31/7/2009. Người đứng tên: Trần Văn Long.*

- Thông tin khác (nếu có): *Đang cho thuê 1 phòng làm văn phòng kinh doanh.*



2.1.2. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Tổ 11- Phường Phúc Lợi- T.P Hà Nội**

- Loại nhà: **Nhà riêng lẻ**

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: **46 m²**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **ước tính khoảng 100.000.000 (Một trăm triệu đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **CX 045405 Theo sổ vào sổ cấp GCN: CS_LB-10059. Ngày cấp 23/10/2017 Người đứng tên: Trần Văn Long, Nguyễn Thị Quyên.**

- Thông tin khác (nếu có): **Đang cho thuê**

2.1.3. Nhà thứ 3

- Địa chỉ: Khu đô thị phía Đông, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: **Căn hộ**

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: **83,87 m²**

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **3.178.169.400đ (Ba tỷ một trăm bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **Theo sổ vào sổ cấp GCN: CN-307. Ngày cấp 27/12/2024 Người đứng tên: Nguyễn Thị Quyên, Trần Văn Long.**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾ **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: **LDG (Công ty cổ phần đầu tư LDG)**

Số lượng: **500 cổ phiếu**

Giá trị: **3.410.000 (Ba triệu, bốn trăm mười nghìn đồng)**

- Tên cổ phiếu: **TCI (Công ty cổ phần chứng khoán Thành công)**

Số lượng: **19.100 cổ phiếu** Giá trị: **210.462.900đ** (Hai trăm mười triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm đồng)

- Tên cổ phiếu: **VCG (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam)**

Số lượng: **300 cổ phiếu** Giá trị: **8.205.000đ** (Tám triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng)

Tổng giá trị 03 loại cổ phiếu: 222.077.900 (Hai trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm đồng)

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: **Ô tô PEUGEOT Số đăng ký: 30L-124.98 Giá trị: 600.000.000đ** (Sáu trăm triệu đồng). Năm mua: 2024. Người đứng tên: **Nguyễn Thị Quyên**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: **694.000.000đ**

- Tổng thu nhập của người kê khai ước chừng: **214.000.000đ**

- Tổng thu nhập của chồng: ước chừng **360.000.000đ**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: cho thuê nhà **120.000.000đ**.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾: **“Không có biến động”**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			

1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		+694.000.000	- Tổng thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của người kê khai: Ước chừng 214.000.000đ;

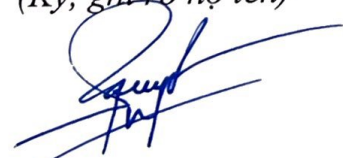
			- Tổng thu nhập của chồng ước chừng 360.000.000đ; - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không - Tổng các khoản thu nhập chung: cho thuê nhà 120.000.000đ;
--	--	--	--

Bồ Đề, ngày 09 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Trần Thị Bảo Giang

Bồ Đề, ngày 02 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Quyên

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 02 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRẦN MINH PHƯƠNG** Ngày tháng năm sinh: **10/04/1987**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Ngọc Thụy, Phường Bồ Đề.**
- Nơi thường trú: **Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, phường Bồ Đề, Hà Nội.**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾ **040187001210**
ngày cấp: **25/04/2021** nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRẦN HÙNG CUỒNG** Ngày tháng năm sinh: **18/06/1983**
- Nghề nghiệp: **Bộ đội**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Học viện Hậu cần, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.**
- Nơi thường trú: **Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, phường Bồ Đề, Hà Nội.**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **040083001145**
ngày cấp: **10/07/2023** nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **TRẦN GIA PHÚC** Ngày tháng năm sinh: **06/01/2011**
- Nơi thường trú: **Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, phường Bồ Đề, Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **001211072553**

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: **TRẦN ĐỨC TOÀN** Ngày tháng năm sinh: **28/07/2014**
- Nơi thường trú: **Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, phường Bồ Đề, Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **001214073626**

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Thị trấn Trần Cao, Huyện Phù Cù, Tỉnh Hưng Yên**
- Diện tích⁽⁹⁾: **63.4m²**
- Giá trị⁽¹⁰⁾: **50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng)**
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **AA02097644 - Người đứng tên: Trần Minh Phương**
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: **Không**
- 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): **Không**
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: **Không**
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng: **Không**
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất:
- Địa chỉ⁽⁸⁾: **Phòng 409, Chung cư Học viện Hậu Cần, Tổ 29, cụm Ngọc Thụy, phường Bồ Đề, Hà Nội**
- Loại nhà: **Căn hộ**
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: **71.95m²**
- Giá trị⁽¹⁰⁾: **605.459.000đ (Sáu trăm linh năm triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng)**
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số BT900431 Người đứng tên : Ông Trần Hùng Cường, Bà Trần Minh Phương**
- Thông tin khác (nếu có): **Đang ở**
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không**
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không**
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không**
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không**
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không**
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không**
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không**
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**
- 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng kí (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 30K-711.96; giá trị: 320.000.000đ

Người đứng tên : Ông Trần Hùng Cường

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: **471.600.000 đồng**

- Tổng thu nhập của người kê khai: **192.000.000 đồng**

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **279.600.000 đồng**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			

10

6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		+ 471.600.000 đồng	- Tổng thu nhập của người kê khai: 192.000.000 đồng - Tổng thu nhập của chồng: 279.600.000 đồng

Bồ Đề, ngày 09 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BÁN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Trần Thị Bảo Giang

Bồ Đề, ngày 02 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Trần Minh Phương